TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẠ LONG** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2024
"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Ngọc An

Các Hội thẩm nhân dân: bà Bùi Kim Dung và bà Phạm Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: ông Triệu Sinh Thuỷ, là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long tham gia phiên tòa: ông Trần Anh Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 144/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024, về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 205A/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 205/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Vũ Thị Thúy N, sinh năm 2002; nơi cư trú: tổ H, khu A, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

2. Bị đơn: anh Phạm Thái P, sinh năm 2001; nơi thường trú: tổ A, khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở: số nhà A, tổ E, khu D, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn chị Vũ Thị Thúy N trình bày:

Về tình cảm: chị Vũ Thị Thúy N và anh Phạm Thái P kết hôn với nhau ngày 31/12/2021, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P mải chơi, không quan tâm chăm lo gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung, nhiều lần xảy ra xô xát với nhau. Chị N và anh P đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2022 đến nay, chị N chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại tổ H, khu A, phường C, thành phố H sinh sống, còn anh P ở cùng với mẹ đẻ tại địa chỉ: khu D, phường C, thành phố H. Nay, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm

trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N ly hôn với anh P.

Về con chung: chị N và anh P có 01 con chung là Phạm Anh Đ, sinh ngày 09/01/2022. Chị N đề nghị Tòa án giải quyết: chị N nuôi con chung Phạm Anh Đ; về cấp dưỡng nuôi con chung: chị N yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung Phạm Anh Đ 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn anh Phạm Thái P: quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, các Giấy triệu tập, Thông báo về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định pháp luật nhưng anh P không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không có quan điểm về việc giải quyết vụ án gửi cho Toà án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật;

+ Các đương sự: nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định nhưng không tham gia tố tụng tại Tòa án. Do vậy, anh P đã cố tình vắng mặt là vi phạm về quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Vũ Thị Thúy N ly hôn với anh Phạm Thái P.

Về con chung: căn cứ Điều 58, 81, 82, 83, Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình: đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Phạm Anh Đ, sinh ngày 09/01/2022 cho chị N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi Phạm Anh Đ thành niên (đủ 18 tuổi); về cấp dưỡng nuôi con chung: anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Phạm Anh Đ 1.725.000 đồng/tháng; thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi Phạm Anh Đ đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: chị N không đề nghị giải quyết, nên không xét.

* Các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án:

Tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập gồm: Biên bản xác minh;

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp: 02 Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), 01 căn cước công dân (bản sao), 01 Giấy khai sinh (bản sao), 01 Xác nhận thông tin về cư trú (bản chứng thực).

Tài liệu, chứng cứ do bị đơn giao nộp: không có.

* Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: về việc chị N và anh P đăng ký kết hôn hợp pháp; về con chung.

* Nội dung các đương sự đã thỏa thuận thống nhất được: không.

* Nội dung các đương sự không thống nhất được: toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các nội dung trình bày, yêu cầu của đương sự; đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Thúy N về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", bị đơn có nơi cư trú tại thành phố H, nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long thụ lý, giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:

Đối với việc tống đạt các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập cho anh P Toà án đã lập biên bản giao cho tổ trưởng và yêu cầu tổ trưởng cam kết giao lại tận tay ngay các văn bản tố tụng đó cho anh P, bảo đảm quy định về thủ tục cấp tống đạt, thông báo theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đảm bảo đúng quy định.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: căn cứ vào lời khai của nguyên đơn chị Vũ Thị Thúy N, các tài liệu chứng cứ do chị N cung cấp và Tòa án thu thập có đủ căn cứ xác định:

Chị N và anh P kết hôn với nhau ngày 31/12/2021, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, hôn nhân giữa chị N và anh P là hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Biên bản xác minh ngày 12/9/2024, tại tổ E, khu D, phường C, thành phố H thể hiện nội dung: chị N và anh P sau khi kết hôn thì sinh sống cùng gia đình bên chồng (nhà bà Vũ Thị L – mẹ đẻ của anh P) tại tổ E, khu D, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Tuy nhiên, sau đó hai anh chị xảy ra mâu thuẫn, nên chị N đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay.

Ngoài ra, Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn anh Phạm Thái P tham gia tố tụng nhưng anh P đều vắng mặt, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh P đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và việc anh P không chấp hành theo triệu tập của Tòa án thể hiện việc anh P coi thường pháp luật và không có thiện chí muốn bảo vệ quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị N. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N: xử cho chị N ly hôn với anh P.

[2.2] Về con chung: căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định: chị N và anh P có 01 con chung là Phạm Anh Đ, sinh ngày 09/01/2022. Chị N đề nghị được quyền trực tiếp nuôi con chung Phạm Anh Đ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh P đều không có mặt nên Tòa án không thể lấy được lời khai của bị đơn và bị đơn cũng không gửi văn bản cho Toà án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hơn nữa, Phạm Anh Đ, sinh ngày 09/01/2022 (tính đến ngày xét xử cháu Phạm Anh Đ chưa đủ 36 tháng tuổi). Căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung Phạm Anh Đ cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị N yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng. Chị N làm nghề tự do, thu nhập trung bình hàng tháng 7.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh P không có mặt, nên Tòa án không thể lấy được lời khai của bị đơn, Tòa án không thu thập được tài liệu chứng minh thu nhập của bị đơn làm căn cứ xác định mức cấp dưỡng phù hợp. Xét yêu cầu về cấp dưỡng như nêu trên của chị N, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình: *"Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con*".

Căn cứ Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ, quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, thì anh

Phạm Thái P, cư trú tại thành phố H (thuộc vùng IV), mức lương tối thiểu của vùng IV theo tháng là 3.450.000 đồng. Như vậy, mức cấp dưỡng cho con do Toà án quyết định sẽ không thấp hơn 1.725.000 đồng/01 tháng/ 01 con.

Căn cứ quy định nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định, anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Phạm Anh Đ số tiền là 1.725.000 đồng/01 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

[2.3] Về tài sản chung và các khoản nợ chung: chị N không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[3] Về án phí: chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định; anh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng định kì theo quy định pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình; Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ, quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Thúy N.

Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Vũ Thị Thúy N ly hôn với anh Phạm Thái P.

Về con chung: giao con chung Phạm Anh Đ, sinh ngày 09/01/2022 cho chị Vũ Thị Thúy N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi);

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh Phạm Thái P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Phạm Anh Đ, số tiền cấp dưỡng: 1.725.000 (một triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn) đồng/01 tháng; thời hạn cấp dưỡng: kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi Phạm Anh Đ đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

3. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: chị Vũ Thị Thúy N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000878 ngày 12/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Anh Phạm Thái P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng định kỳ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tp Hạ Long;
- Chi cục THA Dân sự tp Hạ Long;
- UBND phường Hà Lầm, tp Hạ Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Ngọc An